

LÊ NGÔ CÁT - ĐẶNG HUY TRỮ

DUY MINH THỊ
chú thích, khắc in

ĐẠI NAM
QUỐC SỬ
DIỄN CA

PHAN VĂN HÙM
NGUYỄN Q. THẮNG
phiên âm, chú giải



vh

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

ĐẠI NAM QUỐC SỬ DIỄN CA

LÊ NGÔ CÁT - ĐẶNG HUY TRÚ
Duy Minh Thị *khắc in, chú thích*

ĐẠI NAM QUỐC SỬ DIỄN CA

Phan Văn Hùm - Nguyễn Q. Thắng
(Phiên âm, chú giải)

NXB VĂN HỌC
2009

LỜI DẪN

Đại Nam Quốc sử diễn ca là một trong các bộ sử ca của lịch sử sử học Việt Nam mà cũng là của văn học sử cổ cận đại Việt Nam. Bộ sử ca này nguyên là một tác phẩm văn chương được trước tác và khắc in vào những năm giữa thế kỉ thứ XIX (1860, 1870, 1874) ở trong nước và nước ngoài (TrQ).

Trước đây và hiện nay đã có một số nhà nghiên cứu phiên âm, chú thích giới thiệu bản sử ca này, nhưng đây là lần đầu tiên chúng tôi đã may mắn lưu giữ được một bản Hán Nôm – gọi là bản Hán Nôm vì bản có trong tay độc giả là một bản vừa chữ Nôm và chữ Hán – khắc in tại *Việt Đông Phật trấn đại nhai Phước Lộc, Kim Ngọc lâu ở Quảng Đông, Trung Quốc* – in vào năm Đồng Trị, Giáp tuất (1874) do Duy Minh Thị sao chép, chú thích (chữ Hán) từ bản chữ Nôm cũ trước đó vài ba năm.

Bộ *Đại Nam Quốc sử diễn ca*⁽¹⁾ chữ Nôm này chúng

(1) Ngoài *Đại Nam Quốc sử diễn ca* chúng tôi còn sưu tầm được các sách Hán Nôm cổ sau:

- 1- *Hoàng Việt luật lệ* (Hán văn) còn gọi là *Luật Gia Long*, chúng tôi đã dịch, khảo luận, NXB Văn Hóa Thông tin, 1996.
- 2- *Quốc triều hình luật* (Hán văn) còn gọi là *Luật Hồng Đức* NXB Văn hóa Thông tin, 1998

ĐẠI NAM QUỐC SỬ DIỄN CA

tôi để lẫn trong tủ sách gia đình, mãi cho đến năm 2002 khi soạn Bộ *Tuyển tập Phan Văn Hùm* (NXB Văn hóa – Thông tin 2002) chúng tôi phát hiện được hai mươi số báo *Tự do* xuất bản tại Sài Gòn năm 1938 [của ông Nguyễn Văn Sâm (1902-1947) là chủ nhân kiêm chủ bút] trong đó có loạt bài giới thiệu *Đại Nam Quốc sử diễn ca* do học giả Phan Văn Hùm (1902-1946) phiên âm, chú thích và giới thiệu trên báo vừa dẫn. Loạt bài đăng trên báo *Tự do* từ cuối năm 1938 đến giữa tháng 3 năm 1939 thì người chú thích có **“Lời cần cáo”**: *Vì đương bận việc, tôi [Ph.V.H] không có thì giờ ngồi tra cứu sách vở mà chú thích Đại Nam Quốc sử diễn ca nên chi mục này xin gác lại trong ít lâu. Mong độc giả lượng thứ...*⁽¹⁾ Người chú thích (PVH) bảo ông “đương bận việc” (lúc ông tranh cử vào Hội đồng Quản hạt) nhưng thật sự trong tháng 4-1939 ông có bài *Chống 10 triệu bạc thuế Quốc phòng* đăng trên báo *Tranh đấu* hồi tháng 4-1939. Chính quyền thuộc địa Pháp dựa vào lí do chiến tranh nên ông bị bắt – ông mới đắc cử Hội đồng Quản hạt – cùng một lần với Trần Văn Thạch, Tạ Thu Thâu,

Riêng bộ *Hoàng Việt luật lệ* in thành hai bộ riêng:

- * *Phiên âm, dịch nghĩa, chú thích, NXB Văn hóa – Thông tin, 1996*
- * *Khảo luận, sách có nhan đề Sơ khảo Hoàng Việt luật lệ* (cùng NXB, 2003).
- 3- *Kim Thạch kì duyên* (chữ Nôm, bản chép tay) phiên âm, chú thích, khảo luận, NXB Văn học, 1994.
- 4- *Hà Đình Văn tập, Hà Đình thi sao, Vãng sử Thiên Tân nhật kí...* nhất là thủ bản *Khoái thư trích lục* và một số tác phẩm Hán Nôm, Việt ngữ in ở Sài Gòn trước năm 1945.

(1) Báo *Tự do* số 20 ngày 18-3-1939, Sài Gòn.

ĐẠI NAM QUỐC SỬ DIỄN CA

Nguyễn Văn Tạo ngày 28-6-1943) và đồng chí khác bị đày ra giam ở Côn Đảo. Tại đây, ông bị giam chung cùng chí sĩ Nguyễn An Ninh (1900-1943), nhưng sau khi Nguyễn An Ninh tuyệt thực chết trong tù; thực dân Pháp vừa hoảng sợ, vừa bị áp lực từ nhiều phía và dư luận về cái chết của Nguyễn An Ninh (ông là bạn mà cũng cùng khuynh hướng) thực dân phải trả tự do với điều kiện là đương sự phải chọn nơi cư trú trong thời gian bị quản thúc. Phan Văn Hùm chọn Tân Uyên thuộc tỉnh Biên Hòa⁽¹⁾ – nay thuộc tỉnh Bình Dương - làm nơi tạm trú vì nơi đó có một xưởng gỗ của thân phụ ông. Tại đây trong vòng mấy năm (1943-1945) ông đã viết, xuất bản được các cuốn:

- *Phật giáo triết học* NXB Tân Việt, 1943, Hà Nội.

- *Vương Dương Minh* (được giải thưởng của Hội khuyến học Nam Kỳ, NXB Tân Việt, 1944 Hà Nội)

- *Vấn đề tiền bạc* (NXB Tân Việt, 1945, Hà Nội)

- *Phong kiến là gì* (NXB Tân Việt, 1946, Hà Nội).

(Hai cuốn sau ông viết trong các năm 1934-1939 lúc còn tự do và viết báo ở Sài Gòn).

(1) Theo GS Phan Kiểu Dương (1930- ...) thứ nam cụ Phan Văn Hùm, giáo sư Trường Đại học Mô – Paris kể lại cho chúng tôi (NQT) hồi năm 1989 tại Búng, Bình Dương. Giáo sư Dương cho rằng cụ Phan Văn Hùm lúc đi kí giấy chọn nơi cư trú, ông chọn Tân Uyên để có thể giúp một việc nhỏ cho gia đình vì từ nhỏ cho đến lớn ông (PVH) chỉ “làm khổ” gia đình vì hoạt động yêu nước nên bị tù nhiều lần.

ĐẠI NAM QUỐC SỬ DIỄN CA

Số tác phẩm và sách của Phan Văn Hùm chúng tôi sưu tầm được gần đủ, riêng bộ *Đại Nam Quốc sử diễn ca* do sự sơ suất nên sách bị thất lạc trong tủ sách gia đình và mãi đến năm 2006 vừa rồi tôi mới tìm thấy lại. Thật là “Châu hoàn Hợp Phố” vì cả hai phần (Quốc ngữ khoảng hơn 200 câu và bản chữ Nôm) nằm tại Việt Nam và cả bên trời Âu (Thư viện Quốc gia François Mitterrand Pháp).

Nhân trong một lần trao đổi với các nhà biên khảo khác, tôi được biết gần đây ông Nguyễn Khắc Thuần (giáo sư hưu trí) có cuốn *Đại Nam Quốc sử diễn ca* (NXB Giáo dục, 2007), tôi liền mua về đọc lại và khảo sát hồ sơ *Đại Nam Quốc sử diễn ca* (cả Nôm và Quốc ngữ) thì thấy có một số ưu tư, do đó tôi “hạ quyết tâm” nghiên cứu, phiên âm bộ sách chữ Nôm mà tôi đang lưu giữ.

Được biết sách của ông Nguyễn Khắc Thuần mới xuất bản trong năm 2007, mà sách [của NXB Giáo dục] in trên giấy báo với giá cực kì rẻ so với giá thị trường hiện nay; do vậy chúng tôi cũng cảm thấy chùn tay. Tuy thế, tôi nghĩ: thôi thì cứ làm, in được hay không được thì cứ bỏ đó. Thế cho nên, chúng tôi vẫn mạnh dạn và vui vẻ làm công việc, tưởng nhẹ nhàng mà nặng nhọc và lắm nhiều khê này. Đó là giới thiệu một công trình tập thể của ba vị: *Lê Ngô Cát, Đặng Huy Trứ và Trần Quang Quang (Duy Minh Thị)* hồi cuối thế kỉ XIX (1874) để giới thiệu đến độc giả yêu cổ văn, và căn trọng Quốc sử Việt Nam.

Như đã viết ở trên *Đại Nam Quốc sử diễn ca* (bản chữ Nôm) được khắc in từ thế kỉ XIX theo niên kỉ sau:

ĐẠI NAM QUỐC SỬ DIỄN CA

1- Bản đầu tiên là năm 1870 do hiệu *Trí Trung đường*
- Chủ nhân là Đặng Huy Trứ (xem tiểu sử ở sau) khắc in vào năm Canh ngọ tức Tỵ Đức năm 23, Canh ngọ mùa hè, Trí Trung đường giữ bản khắc gỗ.

2- Bản thứ hai, theo GS Hoàng xuân Hãn, thì đến năm Quý dậu, Tỵ Đức thứ 26 (1873) Phạm Đình Toái (1818-1905) lại tự mình thuê khắc in một bản thứ hai, với lời tựa của ông (PĐT) như sau: “Bình Chuẩn (Bình Chuẩn là chức vụ của ĐHT – NQT chú) sứ quân xem lấy làm thích, đã đem khắc bán, nhưng giá lại cao, việc in và việc mua có nhiều điều chưa tiện, nhân đó lại khắc lướt nữa để chung cho mọi người”⁽¹⁾

3- Bản thứ ba là đến năm 1881 (Tân tị) Tỵ Đức thứ 34 có bản khắc lại của hiệu *Trí Trung đường*

4- Bản thứ tư là năm 1908 (Mậu thân) Duy Tân thứ 2 có bản của nhà *Liễu Văn đường*, cùng năm hiệu *Quan Văn đường* ở phố Hàng Gai – Hà Nội khắc in một lần nữa.

5- Bản thứ năm, vào năm 1934 (Giáp tị) Khải Định thứ 9 có bản của nhà *Quảng Thịnh đường* rồi đến năm 1933 có bản Giáp tị in ở Hà Nội.

Theo các nhà nghiên cứu văn bản, thì các bản in trên đều ghi tên tác giả Lê Ngô Cát và Phạm Đình Toái hiệu

(1) Phạm Đình Toái, Lời Tựa in lần thứ hai, Tỵ Đức năm 26, Quý dậu mùa hè, *Đại Nam Quốc sử diễn ca* (bản Quốc ngữ) do Giáo sư Hoàng Xuân Hãn dẫn trong *Đại Nam Quốc sử diễn ca*, NXB Sông Nhị Trường Thi, Hà Nội 1949, Sài Gòn 1956.

ĐẠI NAM QUỐC SỬ DIỄN CA

đình cùng một số vị tham gia hiệu chỉnh, thêm bớt đã có như các bản đã giới thiệu.

6- Bản thứ sáu này do chúng tôi (NQT) phát hiện có tên *Đại Nam Quốc sử diễn ca* khắc in năm 1874 (Giáp tuất) tại Việt Đông Phật trấn đại nhai Phước Lộc, Kim Ngọc lâu ở Quảng Đông Trung Quốc năm Đồng Trị Giáp tuất (1874). Bản in khắc “Tại Đê Ngạn, phát khách, Gia Định thành Duy Minh Thị phó tử Việt Đông Phật trấn Phước Lộc đại nhai, Kim Ngọc Lâu tàng bản” (*Tại Chợ Lớn phát khách, Gia Định thành Duy Minh Thị trao giữ, Việt Đông Phật trấn, đường lớn Phước Lộc, Kim Ngọc lâu tàng bản*).

Bản này được học giả Phan Văn Hùm (1902-1946) phiên âm, chú thích giới thiệu như đã viết ở trên, trong báo *Tự do* (số 1 ngày 1 tháng 10 năm 1938) của ông Nguyễn Văn Sâm xuất bản ở Sài Gòn. Gần đây (năm 2002) theo *Tuyển tập Phan Văn Hùm*⁽¹⁾ thì ông Phan Văn Hùm là một nhà Tây học mà cũng là một người am tường cổ học, một chuyên gia về Hán Nôm từng phiên âm chú thích hầu hết các tác phẩm Hán Nôm của nhà thơ mù Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888) như: *Lục Vân Tiên, Dương Từ – Hà Mậu, Ngư Tiều vấn đáp y thuật*⁽²⁾... xuất bản từ các năm 1936-1964 tại Sài Gòn, Hà Nội.

Và một tập bản thảo chú thích *Hoa tiên truyện* của

(1) Nguyễn Q. Thắng, *Tuyển tập Phan Văn Hùm, NXB Văn hóa - Thông tin, 2002.*

(2) Các cuốn trên đều do NXB Tân Việt xuất bản tại Hà Nội và Sài Gòn từ 1936-1964.

ĐẠI NAM QUỐC SỬ DIỄN CA

Nguyễn Huy Tự (1743-1790) mà chúng tôi đã giới thiệu trong *Tuyển tập Phan Văn Hùm* đã dẫn⁽¹⁾.

Sau đây là *Lời dẫn* của Phan Văn Hùm khi ông giới thiệu bộ sử ca *Đại Nam quốc sử diễn ca*, hiệu giả viết:

Trong những áng văn xưa, có bốn Đại Nam Quốc sử Diễn ca đáng yêu quý. Về mặt sử liệu không phải đó là một công trình vô giá trị. Về mặt văn chương, đó là một công trình lớn lao.

Kẻ chú thích này mặc dầu theo duy vật sử quan, cũng không dám xúc nổi khinh lờn lối sử biên niên ở trong bốn sử ca đó. Hoặc có khi sẽ lạm bút phê bình, chẳng qua là để đánh dấu ngờ cho người đọc xét lại.

Kẻ chú thích này vốn ở Tây học mà ra, bên chữ nho thì nhờ công tự học mà biết lam nham mớ nhấm. Như thế ắt không khỏi chú thích sai lầm. Mong bực cao minh dạy bảo cho, ơn phá ngu chi xiết kể.

Đại Nam Quốc sử Diễn ca, là do Quốc sử quán vâng chỉ vua Tự Đức mà đặt ra. Điều ấy ai cũng đã công nhận. Duy trong Quốc sử quán bấy giờ có những ai? Kẻ chú thích này chưa có cơ hội để khảo về chỗ đó, chỉ nghe truyền rằng chính ông Ngô Cát người huyện Chương Đức, là người đặt ra bốn sử ca ấy, còn người hiệu chính là ông Đặng Huy Trứ, quán ở tỉnh

(1) Phan Văn Hùm (1902-1946) tốt nghiệp Cao đẳng Công chánh (Hà Nội), cử nhân, cao học triết học tại Sorbonne – Paris, từng được giải thưởng biên khảo của Hội khuyến học Nam kỳ năm 1944 tại Sài Gòn về tác phẩm *Vương Dương Minh, thân thế và học thuyết*.

ĐẠI NAM QUỐC SỬ DIỄN CA

Thừa Thiên, đỗ giải nguyên đời vua Minh Mạng, làm đến chức Bình Chuẩn đời vua Tự Đức. Ông sau này đi buôn các nước có sang Nhật, sang Tàu.

Bốn Đại Nam Quốc sử Diễn ca sao lục ra đây, là chép theo bốn chữ nôm của Duy Minh Thị, người ở Xóm Dầu (Sài Gòn), xuất bản năm 1874, do hiệu Kim Ngọc Lâu ở Việt Đông (bên Tàu) khắc bản.

Toàn bốn có một ngàn lẻ hai mươi bảy (1027) câu lục bát. Ở đây lần lượt lục đặng, tùy lời chú thích dài vắn mà khi ít khi nhiều câu, không có chừng.

Về những con số ngày tháng, kẻ chú thích sẽ chưa cả âm lịch và dương lịch, mỗi khi có thể tìm kiếm được hai lịch đối chiếu nhau. Từ mấy năm nay lưu tâm về lịch pháp, kẻ chú thích này muốn làm một quyển “Vạn niên lịch” để riêng cho mình, đem âm dương lịch đối chiếu từ đời Nghiêu Thuấn xuống tới ngày nay. Tiếc vì không có thì giờ để làm cái công trình mệt nhọc ấy, đặng kiểm tra những can chi sóc hối trong sử Tàu, nhưt là trong kinh Xuân Thu”⁽¹⁾.

Về bản chữ Nôm (in ở sau) chúng tôi sưu tầm được vào các năm 1968-1970 tại nhà một người chơi sách ở Sài Gòn, vị này trao lại cho biên giả với điều kiện “trao đổi vật ngang giá” nghĩa là hai bên tặng sách cũ cho nhau. Sau khi mang sách về nhà thì chúng tôi mới biết đây là sách của chủ nhân Phan Văn Hùm người viết đoạn văn trên!

(1) Báo Tự do số 1 ngày 01 tháng 10 năm 1938, Sài Gòn

ĐẠI NAM QUỐC SỬ DIỄN CA

Phản phiên âm, chú thích này cụ Phan Văn Hùm cho đăng trong báo *Tự do* đã dẫn được 283 câu (từ số 1 ngày 1-10-1938 - 18-3-1939 thì ngưng với lí do như đã viết.

Các chú thích của hiệu giả Phan Văn Hùm đầy đủ, chi tiết... nhưng hơi dài, tuy vậy chúng tôi vẫn giữ nguyên không *thêm bớt* để độc giả ngày nay thấy được tinh thần cầu toàn của một học giả thông Tây học lẫn cổ học Á đông.

Như vậy trên báo *Tự do* số 20 ngày 18-3-1939 người chú thích có *lời cảnh cáo* như đã dẫn mà các thư viện ở Sài Gòn không còn (các số báo có bài phiên âm, chú thích *Đại Nam Quốc sử diễn ca* này do GS Phan Kiều Dương - thứ nam cụ Phan Văn Hùm - photo tặng cho, nhân chúng tôi biên soạn bộ *Tuyển tập Phan Văn Hùm*

Trong bản khắc gỗ do Duy Minh Thị trông nom in ở Việt Đông – Tr.Q chú thích viết bằng chữ Hán rất chi tiết rõ ràng. Thế cho nên trong “*Lời người chú thích*” ông Phan Văn Hùm viết (xin trích lại) “*chỉ nghe truyền*”⁽¹⁾ rằng chính ông Ngô Cát người huyện Chương Đức, là người đặt ra

(1) Phan Văn Hùm viết “*Chỉ nghe truyền rằng*” nhưng sự thật là Lê Ngô Cát đã vâng lệnh Quốc sử quán (vua Tự Đức) chính thức viết nên tác phẩm này như ông viết:

“*Lan Đài dùng bút thành thời*

“*Vàng đem quốc ngữ, diễn lời sử xanh*”.

Do đó GS Hoàng Xuân Hãn viết “*Vậy ông (LNC) đã vâng lời vua lấy sử bằng Hán văn rồi ông dịch hoàn toàn mới*” (Hoàng Xuân Hãn sđd, xem thêm tiểu sử Lê Ngô Cát. Và lại ý kiến này chỉ “nghe truyền” Phan Văn Hùm viết từ năm 1938 thì lúc đó chưa ai nghiên cứu về *Đại Nam Quốc sử diễn ca*.)

bốn sử ca ấy, còn người hiệu chính là ông Đặng Huy Trứ, quán tỉnh Thừa Thiên, đỗ Giải nguyên đời vua Minh Mạng, làm đến chức Bình Chuẩn đời vua Tự Đức. Ông sau này đi buôn các nước có sang Nhật, sang Tàu”. (Xem tiểu sử Lê Ngô Cát, Đặng Huy Trứ, Duy Minh Thị ở cuối bài này).

Có lẽ như đã viết và ngay chính bản *Duy Minh Thị* trao giữ mà năm 1875 Trương Vĩnh Ký người phiên âm một bản chữ Nôm nào đó (theo chúng tôi có thể là bản khắc năm 1874 của Duy Minh Thị in ở Quảng Đông) nên họ Trương chỉ ghi tác giả là Lê Ngô Cát mà không có tên Phạm Đình Toái. Nhưng theo GS Hoàng Xuân Hãn bộ sử ca này được khắc in là “cốt nhờ óc thực tế của hai nhà nho Phạm Đình Toái là người sửa chữa và Đặng Huy Trứ là quan Bình Chuẩn ở Hà Nội mà có một nhà xuất bản ở Hà Nội hiệu *Trí trung đường*”.

Hiệu Trí trung đường này đã xuất bản nhiều sách, nhất là sách của Đặng Huy Trứ. Ông Đặng Huy Trứ trước tác rất nhiều, nhờ hiệu Trí trung đường mà sách ông được khắc rất đẹp. Ông lại thích xem sách người khác. Hễ thấy quyển nào có giá trị, ông lại khuyên đem hiệu ông khắc”.⁽¹⁾

Như đã viết ở trên, Trương Vĩnh Ký (1837-1898) là người đầu tiên phiên âm bản chữ Nôm *Đại Nam Quốc sử diễn ca* ra chữ Quốc ngữ La tinh trước nhất vẫn không ghi tên Phạm Đình Toái và trong *Lời chú* (note) bằng tiếng Pháp ông chỉ viết Lê Ngô Cát là tác giả. Bản này hiện chúng

(1) Hoàng Xuân Hãn, *Tựa và Dẫn trong Đại Nam Quốc sử diễn ca...* Trường Thi tái bản, 1956, Sài Gòn.

ĐẠI NAM QUỐC SỬ DIỄN CA

tôi còn cuốn của Pétrus Ký có tên *Đại Nam Cuộc sử kí diễn ca* (10,5x17cm) Sài Gòn, bản in Nhà nước 1875. Trong *Note* (Lời chú) bằng tiếng Pháp, Trương Vĩnh Ký viết; (nguyên văn):

“L’histoire annamite en vers, dont nous publions la transcription, a été écrite, en 1860, par un mandarin annamite du nom de Lê-ngô-cát, homme de forte érudition, chargé de la rédaction des annales de l’Annam sous le règne de Tự-đức.

Cependant, il faut remarquer que l’auteur est critiqué par les lettrés pour avoir trop souvent mêlé des expressions en caractères chinois à l’annamite vulgaire.

Quoi qu’il en soit, ce poème est très-instructif et approprié à la portée, au goût de la population.

C’est d’ailleurs une coutume dans la littérature annamite de traiter en vers les sujets intéressants, de sorte que, aidés par la cadence, la mesure et la rime, les il lettrés qui les entendent lire ou réciter les retiennent aidément dans leur mémoire.

C’est ainsi que beaucoup de ces écrits versifiés sont transmis de père en fils.

Notre pensée, en transcrivant le *Đại-nam cuộc sử kí diễn ca*, a été de répandre dans le peuple la connaissance de l’écriture latine, en lui offrant sous cette forme des sujets attrayants et de le préparer ainsi, dans la mesure de nos moyens, à se mettre plus aisément au courant des progrès de la civilisation moderne.

ĐẠI NAM QUỐC SỬ DIỄN CA

Le but est peut-être au-dessus de nos forces; mais, si nous n'y réussissons, il nous restera du moins avec notre conscience satisfaite, l'honneur de l'entreprise.

Dans ce travail, nous nous sommes appliqué à soigner l'orthographe du *Quốc ngữ* en lui donnant la valeur exacte de la prononciation dans la langue parlée. Les mots difficiles à cause de leur origine se trouveront expliqués d'ailleurs dans le grand dictionnaire annamite-français que nous comptons publier bientôt."

Tạm dịch:

Sử kí An Nam bằng thơ do một viên quan tên là Lê Ngô Cát học rộng, giữ việc chép sử thời Tự Đức, soạn năm 1860.

Tuy nhiên có nhiều nhà Nho chỉ trích tác giả dùng xen quá nhiều chữ Hán. Nhưng dù sao áng thơ cũng rất có ích cho việc học và thích hợp với quần chúng.

Trong văn học An Nam những đề tài quan trọng thường được viết theo thể thơ, như vậy nhờ vào vần điệu mà dễ đọc, dễ ngâm, dễ nhớ hơn. Bằng cách này những áng thơ thường được truyền từ đời cha đến đời con.

Khi diễn Nôm Đại Nam Cuộc (sic) sử diễn ca chúng tôi có ý phổ biến trong dân chúng loại chữ La tinh, nhằm cống hiến những đề tài hấp dẫn giúp mọi người tiếp cận nền văn minh tân tiến.

Mục đích có lẽ quá sức chúng tôi, nhưng thân

ĐẠI NAM QUỐC SỬ DIỄN CA

như không thành công thì ít ra lương tâm chúng tôi cũng thỏa mãn vì đã làm xong bốn phận.

Khi làm công việc này chúng tôi cố gắng theo đúng chánh tả Quốc ngữ, theo đúng cách phát âm trong lời nói. Những chữ khó chúng tôi sẽ giải nghĩa trong cuốn Tự vị An Nam – Lang Sa mà chúng tôi dự định sẽ xuất bản trong ngày gần đây.”⁽¹⁾

Và tiếp theo (trang III) Trương Vĩnh Ký viết thêm chủ đích của ông về việc “đặt sách Đại Nam Cuộc sử diễn ca bằng chữ Quốc ngữ như sau:

Về kẻ đặt sách Đại Nam Cuộc sử kí diễn ca

Ta chép sách này ra chữ Quốc ngữ có ý cho con trẻ các trường, trước là coi cho biết truyện, sau là tập viết chữ cho trụng tiếng trụng dấu cho quen.

Người đặt ra sách này là Lê Ngô Cát, là quan sử quán (năm Tự Đức 12 niên) là kẻ thông kinh sử lâm cú trong sử kí mà làm ra, có một điều ông ấy hay để tiếng chữ vô nhiều quá, lộn với tiếng Nôm, nên kẻ chưa từng coi thì có ý khó hiểu một chút. Nhưng vậy mấy tiếng ấy ta cũng đã có đem vô tự vị lớn tiếng An Nam rồi.

Kế sau đây ta biên ra tên tuổi các đời vua từ Hồng Bàng tới nay, để cho kẻ siêng học coi đó mà nhớ thứ lớp cho kĩ.”⁽²⁾

(1) P.J.B Trương Vĩnh Ký, Đại Nam Cuộc sử diễn ca, Note, Bản in Nhà nước, Sài Gòn, 1875 trang I, II.

(2) P.J.B Trương Vĩnh Ký, Đại Nam Cuộc sử diễn ca, Sài Gòn, Bản in Nhà nước, 1875, trang III

ĐẠI NAM QUỐC SỬ DIỄN CA

Đó là cách làm việc khoa học, khách quan của học giả họ Trương vì trong sách có ai nhắc đến Phạm Đình Toái và ông Phạm có can hệ gì đến tác phẩm đâu! (theo Trương Vĩnh Ký và cả chúng tôi - NQT - nữa)

Như vậy, có thể Trương Vĩnh Ký phiên âm từ bản Duy Minh Thị in năm 1874 hoặc bản Trí Trung đường hay một bản nào khác, cho nên Trương Vĩnh Ký không hề nhắc đến Phạm Đình Toái. Thế nên sau năm 1940 một số nhà chú thích, nghiên cứu có ý phiến trách họ Trương là không nhắc gì đến họ Phạm. Nếu khảo sát về lai lịch, nguồn gốc sáng tác *Đại Nam Quốc sử diễn ca*, từ đời Tự Đức thứ 12 tức năm Kỷ Mùi (1859) [có vị ghi 1860, mà năm 1860 âm lịch là năm Canh thân] nhà vua [Tự Đức] ra lệnh cho Quốc Sử quán sửa chữa sách *Sử kí Quốc ngữ ca*, *Thiên Nam ngữ lục*... để soạn một cuốn *Sử ca* từ năm Tự Đức thứ 8 (1855). Quốc sử quán liền lệnh cho Lê Ngô Cát và Trương Phúc Hào thân làm việc và soạn ra *Việt sử Quốc ngữ*. Theo GS Hoàng Xuân Hãn thì đến năm 1865 ông Phạm Đình Toái tự ý đem bản “nhuận chính” trên mà chữa rất kĩ càng (...) ông lại đưa cho Phan Đình Thục sửa chữa. Kết quả ra sách *Đại Nam Quốc sử diễn ca* (1870)⁽¹⁾. Thế cho nên các bản *Trí trung đường* (1870, 1873, 1881) *Liêu văn đường* (1908), *Quán văn đường* (không thấy ghi năm). Tiếp đó là các bản nôm khắc in Giáp tí (Khải Định thứ 4–1924) và cuối cùng là bản in lại của *Quảng Thịnh đường* năm 1933 ở Hà Nội⁽²⁾. Đó là nhận định và ý kiến của Đinh Xuân Lâm, Chu Thiên

(1) Hoàng Xuân Hãn, *Sách đã dẫn* trg 18-19

ĐẠI NAM QUỐC SỬ DIỄN CA

trong sách *Đại Nam Quốc sử diễn ca* do hai ông phiên âm, hiệu đính, chú thích và giới thiệu trên sách đã dẫn vì theo hai nhà nghiên cứu này thì không còn bản thảo nào khác. Do đó nhị vị viết một cách chắc chắn rằng:

“Bản khắc đầu tiên vào năm 1870, do hiệu *Trí trung đường* ở Hà Nội phụ trách. Đến năm Tân tị, Tự Đức thứ 34 (1881), hiệu *Trí trung đường* khắc lại, hiện Thư viện khoa học còn giữ một bản (kí hiệu AB.328). Năm Mậu thân, Duy Tân thứ hai (1908), *Liễu văn đường* cũng khắc lại (kí hiệu Thư viện Khoa học VNV.I) Tiếp đó là bản nôm khắc in năm Giáp tí, Khải Định thứ 9 (1924) của *Quảng Thịnh đường* ở Hàng Gai (kí hiệu Thư viện khoa học VNV.207) và cuối cùng là bản in lại cũng của *Quảng Thịnh đường* năm 1933 ở Hà Nội⁽²⁾.

Như vậy các nhà phiên âm, chú thích, giới thiệu... *Đại Nam Quốc sử diễn ca* từ bản Xuân Lan (1914) Nguyễn Trọng Doanh và Đoàn Như Khuê (1937) Nguyễn Đỗ Mục (1943) Bùi Kỳ và Nguyễn Quang Oánh (1944), Hoàng Xuân Hân (1949) Đinh Xuân Lâm và Chu Thiên (1966) đến Nguyễn Khắc Thuần (2007) đều một mực cho rằng tác giả bộ sách trên là của Lê Ngô Cát và Phạm Đình Toái.

Trong khi đó các nhà chú thích, giới thiệu... *Đại Nam Quốc sử diễn ca* trong Nam từ Duy Minh Thị (1874) Trương Vĩnh Ký (1875), Phan Văn Hùm (1938) đều xác định tác giả bộ sử ca này là của Lê Ngô Cát và Đặng Huy Trứ (Đặng

(1)(2) Đinh Xuân Lâm, Chu Thiên, *Đại Nam quốc sử diễn ca*, Đinh Xuân Lâm, Chu Thiên phiên âm..., NXB Văn học, 1966, Hà Nội.

ĐẠI NAM QUỐC SỬ DIỄN CA

Huy Trứ là người hiệu chính). Điều khẳng định này được thấy rõ qua bản khắc in (ở Quảng Đông) này (xin xem bản chữ Nôm in ở sau); nhất là phần phủ chính, chú thích rất rõ ràng và khúc chiết (xem thêm bản dịch chữ Hán). Chính vì vậy chúng tôi rất phấn khởi và mạnh dạn làm công việc nhiều khê, phức tạp này để giới thiệu đến độc giả xa gần và nhân đây có thể đính chính một số ngộ nhận khác đã có từ lâu trong văn học sử nước nhà.

Tóm lại, theo chúng tôi hiện *Đại Nam Quốc sử diễn ca* (chữ Nôm) có hai bản khắc gỗ:

- Một bản khắc in do nhà *Trí trung đường, Quảng thịnh đường, Liễu văn đường* là bản khắc in trong nước do *Đặng Huy Trứ, Phạm Đình Toái* hiệu đính và các bản này được phổ biến rộng rãi ở miền Bắc.

- Một bản khắc in ở Quảng Đông (TrQ) *Kim Ngọc lâu tàng bản*, do *Đặng Huy Trứ, Duy Minh Thị* phủ chính, chú thích, và bản này phổ biến ở miền Nam chứ không phải như hai nhà chú thích, phiên âm, hiệu đính... *Đinh Xuân Lâm, Chu Thiên* khẳng định kiểu “ba bó một giạ” rằng: “hoàn toàn không cần thiết phải tạo ra một cuốn thứ ba nữa”⁽¹⁾. Phải chăng theo nhị vị không có bản khắc in khác của *Trí trung đường, Liễu văn đường, hay Quảng thịnh đường*...

Hiện nay trong tủ sách gia đình, chúng tôi còn lưu giữ được các bản *Đại Nam Quốc sử diễn ca* chữ Quốc ngữ sau:

(1) *Đinh Xuân Lâm, Chu Thiên, Sđd*

ĐẠI NAM QUỐC SỬ DIỄN CA

- *Bản Trương Vĩnh Ký* (1875, Sài Gòn)⁽¹⁾
- *Bản Hoàng Xuân Hãn* (1949, 1952, 1956, Sài Gòn)⁽²⁾
- *Bản Định Xuân Lâm và Chu Thiên* (1966, Hà Nội)⁽³⁾
- *Bản Nguyễn Khắc Thuần* (2007, Hà Nội, Cần Thơ)⁽⁴⁾

Trong 4 bản trên thì *bản Trương Vĩnh Ký* phiên âm và in như một tập thơ, không chú thích, giảng giải... theo đúng chủ trương của người phiên âm là “*Ta chép sách này ra quốc ngữ có ý cho trẻ con các trường, trước là coi cho biết truyện, sau là tập viết cho trúng tiếng, trúng dấu cho quen.*” Chứ không phải là một công trình nghiên cứu, khảo dị văn học cổ; tuy rằng ông là một nhà khoa học. Ở đây họ Trương chỉ làm công việc phổ thông, thực tế là khi chữ Quốc ngữ mới phôi thai ở Nam Kỳ (1875) vào thời điểm trên. Đó là công mở đường cho nền văn học mới của học giả họ Trương.

Riêng ba bản sau được giới thiệu với tinh thần nghiên cứu – nhất là bản Hoàng Xuân Hãn – một áng văn cổ của văn học dân tộc. Mỗi công trình đều có nét đặc thù của một tác phẩm văn chương cổ Việt Nam mà cũng là *bản sử ca dân tộc*. Do vậy, phần phiên âm, khảo dị, chú thích này chúng tôi chỉ *khảo dị, so, đọ* với *bản HXH* là chính, còn các bản sau chỉ là phụ khảo thôi, vì dù sao bản HXH vẫn là tác phẩm đầu tiên nghiên cứu *Đại Nam Quốc sử diễn ca* với

(1) Bản in Nhà nước 1875, Sài Gòn

(2) NXB Sông Nhị Hà Nội, Trường Thi Sài Gòn 1952, 1956

(3) NXB Văn học Hà Nội, 1966

(4) NXB Giáo dục, Cần Thơ, 2007